

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về chia tài sản
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hương Giang.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019, về ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị P, sinh năm 1978; Địa chỉ: khóm T1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh A, sinh năm 1975; Địa chỉ: khóm T1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị P, trình bày: Về hôn nhân: Năm 1998, chị có quen biết với anh A qua thời gian tìm hiểu hai bên nảy sinh tình cảm và tiến đến hôn nhân. Anh chị cùng nhau về sống với gia đình anh A, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất

hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về chuyện tình cảm giữa hai vợ chồng và chuyện tiền bạc trong gia đình. Chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tỉnh Bến Tre để sinh sống. Vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Chị với anh A không sống chung với nhau từ năm 2015 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nữa, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị làm đơn yêu cầu ly hôn với anh A. Về con chung: Có một con chung tên N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1999, cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng, tự lo cho bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung với nhau chị và anh A được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp một nền nhà diện tích 100m², thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, vợ chồng chị được chính quyền địa phương cấp cho một căn nhà nền đúc, khung sắt, vách tol, mái tol chiều ngang 4,5m, chiều dài 18m, diện tích 81m², gắn liền phần đất trên, vì vợ chồng chị thuộc hộ nghèo. Trước đây chị yêu cầu được sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất và đồng ý trả ½ giá trị nhà và quyền sử dụng đất cho anh A là 50.000.000đ. Nay chị và anh A đã thỏa thuận được với nhau, chị thống nhất giao cho anh A sở hữu căn nhà và quyền sử dụng đất và chị đồng ý nhận ½ giá trị nhà và quyền sử dụng đất với số tiền 50.000.000đ. Do đã thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không còn nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, anh A trình bày: Về hôn nhân: Anh và chị P không có tổ chức đám cưới và cũng không có đăng ký kết hôn, chỉ chung sống với nhau tại khóm T1, thị trấn T. Đang chung sống thì chị P bỏ đi và nói không chung sống với anh nữa. Chị P đi vào thời gian nào thì anh không nhớ, chỉ nhớ chị P bỏ đi khoảng 07 năm. Nay chị P trở về yêu cầu ly hôn, anh thống nhất ly hôn. Về con chung: Có một con chung tên N, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1999, đã trưởng thành và có gia đình riêng, tự lo cho bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Đã thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án, về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn anh A và chia tài sản khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Hồng Ngự, quy định tại các Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét thấy, nguyên đơn chị P rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản khi ly hôn và việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án: Về hôn nhân, theo Xác nhận ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn T và Xác nhận ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre, thì chị P và anh A chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng... Do đó, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh A và chị P.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, trả lại tiền tạm ứng án phí còn thừa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P đã rút, yêu cầu chia tài sản khi ly hôn là quyền sử dụng đất diện tích 100m², thuộc thửa số 06, tờ bản đồ số 24, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp và quyền sở hữu căn nhà gắn liền trên đất.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị P và anh A.

3. Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Chị P chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng theo biên lai số BH/2018/ 0000888 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, trả lại cho chị P 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 9 năm 2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú